

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-10-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28-10-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 23-3-2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-7-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐS-HNGĐ ngày 19-7-2021; Thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án ra xét xử số 21/TB-TA ngày 02-8-2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 23/TB-TA ngày 16-8-2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian mở lại phiên tòa số 25/TB-TA ngày 06-9-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐS-HNGĐ ngày 08-10-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 9/1B ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Ngô Văn D, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 9/1B ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Minh T trình bày:

Chị Trần Thị Minh T và anh Ngô Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01/2010 ngày 06-7-20210. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã cố gắng nhường nhịn, hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau.

Năm 2019, chị T phát hiện anh D có mối quan hệ với người phụ nữ khác và có ý định ly hôn, nhưng lúc đó con còn quá nhỏ, không muốn con thiếu cha hoặc mẹ nên tha thứ để cho anh D có cơ hội chuộc lỗi sửa sai. Đến ngày 10-3-2021, chị T tiếp tục phát hiện anh D qua lại với người phụ nữ khác, sự việc xảy ra có sự chứng kiến của gia đình. Do anh D không chung thủy, chị T nhiều lần bỏ qua nhưng vẫn không thay đổi nên không thể tha thứ nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Đăng K1, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Ngô Đăng K2, sinh ngày 14-5-2020. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000đ/tháng. Đến ngày 30-6-2021, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, anh D có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng hiện nay cư trú tại địa chỉ: Số nhà 9/1B, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D. Giao cháu K1 và cháu K2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn được giải quyết theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị T xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh D được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng vì thương con nên đã tha thứ tạo điều kiện cho anh D cơ hội sửa đổi. Đến ngày 10-3-2021, chị T tiếp tục phát hiện anh D qua lại với người phụ nữ khác có sự chứng kiến của gia đình. Do anh D không chung thủy, chị T đã nhiều lần bỏ qua nhưng vẫn không thay đổi nên không thể tha thứ. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh D. Quá trình tố tụng anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc anh D cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh anh D, chị T đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó anh D cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, chị T kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đăng K1 và cháu Ngô Đăng K2 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các cháu đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu K1 có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T về việc yêu cầu anh Ngô Văn D cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Minh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Ngô Văn D.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh T được ly hôn với anh Ngô Văn D.

2.2 Về con chung: Giao cháu Ngô Đăng K1, sinh ngày 04-12-2010 và cháu Ngô Đăng K2, sinh ngày 14-5-2020 cho chị Trần Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Ngô Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Minh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0004555 ngày 19-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. “Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Tam Phước (số 36, quyền số 01/2010 ngày 06-7-2010;
- Lưu hồ sơ vụ án...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Hoàng Đức